

PHẦN VĂN BẢN KHÁC**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ****ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2764/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 5 năm 2017***QUYẾT ĐỊNH****Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi
chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BTP ngày 07 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn công bố, niêm yết thủ tục hành chính và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính trọng tâm năm 2015;

Thực hiện Quyết định số 1050/QĐ-UBND ngày 31/01/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân Thành phố năm 2015;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 877/TTr-SNN ngày 14 tháng 4 năm 2017 và Sở Tư pháp tại Tờ trình số 3793/TTr-

STP ngày 05 tháng 5 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 21 thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được chuẩn hóa tại thành phố Hồ Chí Minh.

Danh mục và nội dung chi tiết của thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố công bố trước đây.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thành Phong

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC LĨNH VỰC QUẢN LÝ
CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2764/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2017
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

STT	Tên thủ tục hành chính
Lĩnh vực Thủy sản	
1	Thủ tục Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực)
2	Thủ tục Cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi và xác nhận đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm
3	Thủ tục Cấp lại mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra thương phẩm
4	Thủ tục Xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác
5	Thủ tục Chứng nhận thủy sản khai thác
6	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời
7	Thủ tục Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá
8	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu
9	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, hoặc thuê- mua tàu
10	Thủ tục Cấp sổ danh bạ thuyền viên
11	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá
12	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận Đăng ký tàu cá đối với tàu cá cải hoán
13	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá
14	Thủ tục Cấp giấy phép khai thác thủy sản
15	Thủ tục Gia hạn giấy phép khai thác thủy sản
16	Thủ tục Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản
17	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai
18	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá đóng mới

19	Thủ tục Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá
20	Thủ tục Chứng nhận lại thủy sản khai thác
21	Thủ tục Đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA CHI CỤC THỦY SẢN TRỰC THUỘC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Lĩnh vực Thủy sản

1. Thủ tục Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực)

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nhập khẩu giống thủy sản sau khi đã thực hiện xong thủ tục kiểm dịch tại cửa khẩu chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: cấp giấy biên nhận cho tổ chức, cá nhân nộp (nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung theo đúng quy định.

- **Bước 3:**

+ Trong thời gian không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy sản xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, trong đó có thông báo cho tổ chức, cá nhân về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra chất lượng và gửi lại cho tổ chức, cá nhân 02 bản giấy đăng ký đã có xác nhận của Chi cục Thủy sản.

+ Sau khi có kết quả kiểm tra (không quá 01 ngày làm việc), Chi cục Thủy sản có văn bản thông báo đạt chất lượng đối với lô hàng có kết quả kiểm tra đạt yêu cầu và gửi cho tổ chức, cá nhân đăng ký. Trường hợp kết quả kiểm tra không đảm bảo chất lượng theo quy định, Chi cục Thủy sản có văn bản thông báo không đạt chất lượng cho tổ chức, cá nhân đăng ký và xử lý vi phạm theo quy định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận

tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy đề nghị kiểm tra chất lượng (03 bản) (theo mẫu);

+ Bản chính hoặc bản sao chụp (có đóng dấu của cơ sở nhập khẩu) các giấy tờ: Hợp đồng mua bán, bản kê chi tiết hàng hóa (Packinglist), hóa đơn mua bán (Invoice).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ: Xác nhận vào Giấy đăng ký kiểm tra chất lượng, trong đó có thông báo cho cơ sở về nội dung kiểm tra, thống nhất thời gian và địa điểm kiểm tra chất lượng và gửi lại cho tổ chức, cá nhân.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi có kết quả kiểm tra: Thông báo kết quả kiểm tra.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân nhập khẩu giống thủy sản.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo kết quả kiểm tra chất lượng.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy đề nghị kiểm tra chất lượng (Phụ lục 12 của Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013).

i) Lệ phí: Không.

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý thủ tục hành chính:

- Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý giống thủy sản.

- Thông tư số 11/2014/TT-BNNPTNT ngày 01/4/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT ngày 22/5/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý giống thủy sản.

Phụ lục 12**MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Kính gửi:.....

Tên doanh nghiệp:

Tên người đại diện:.....

Địa chỉ:

Số ĐT:.....Fax:.....

Đề nghị kiểm tra chất lượng:

1. Tên giống thủy sản (kèm theo tên khoa học):.....

2. Số lượng:..... Khối lượng:.....

3. Tuổi:..... Độ thuần chủng.....

4. Tỷ lệ đực cái..... Độ thành thực(đối với giống bố mẹ)

5. Tên cơ sở sản xuất hàng hoá:.....

6. Nước sản xuất:.....

7. Nơi xuất hàng:.....

8. Nơi nhận hàng:.....

9. Thời gian đăng ký thực hiện kiểm tra:.....

10. Địa điểm đăng ký thực hiện kiểm tra:.....

11. Tài liệu, hồ sơ kèm theo giấy đề nghị kiểm tra này gồm:

a).....

b).....

11. Thông tin liên hệ:.....Số ĐT.....

12. **Ghi chú:** Sau khi được cơ quan kiểm tra đóng dấu xác nhận việc đăng ký kiểm tra, Giấy này có giá trị để làm thủ tục hải quan, tạm thời được phép đưa hàng hóa về nơi đăng ký để kiểm tra chất lượng (nơi nuôi cách ly kiểm dịch) theo quy định. Kết thúc việc kiểm tra chất lượng, cơ sở phải nộp Thông báo kết quả kiểm tra cho cơ quan Hải quan để Hoàn tất thủ tục./.

....., ngày... tháng... năm...

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

....., ngày... tháng... năm...

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Phụ lục 13
MẪU THÔNG BÁO KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2013/TT-BNNPTNT
ngày 22 tháng 5 năm 2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cơ quan thông báo:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....Fax:

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG

Số: /TCTS-KQKT^(*)

Bên bán hàng:		Tên cơ sở sản xuất:
Địa chỉ, Điện thoại, Fax:		Nơi xuất hàng:
Bên mua hàng		Nơi nhận hàng
Địa chỉ Điện thoại, Fax:		
Tên hàng hoá:	Số lượng:	Mô tả hàng hoá
Mã số lô hàng:	Khối lượng:	
Căn cứ Hồ sơ đăng ký, kết quả kiểm tra và kết quả xét nghiệm		
(Cơ quan kiểm tra xác nhận)		
Lô hàng Đạt/ Không đạt chất lượng^(**)		

Nơi nhận:

- Cơ sở đăng ký kiểm tra;
- Cơ quan quản lý địa phương;
-

Lưu: VT, NTTS.

....., ngày... tháng... năm.....

Đại diện cơ quan kiểm tra
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(*): Đơn vị được Tổng cục Thủy sản uỷ quyền ghi Số theo cách tương ứng để quản lý;

(**): Ghi rõ Đạt hoặc Không đạt.

2. Thủ tục cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi và xác nhận đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Chậm nhất trước thời điểm thả giống 20 ngày, Chủ cơ sở nuôi cá Tra (chủ cơ sở) chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận có hẹn ngày trả kết quả cho Chủ cơ sở (nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định (Kể từ ngày nhận được hồ sơ, trong thời gian không quá 01 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp trực tiếp và không quá 02 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp qua đường bưu điện).

- Bước 3:

+ Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy sản sẽ cấp Giấy chứng nhận mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra và xác nhận Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm, lưu 01 bản và trả cho chủ cơ sở đăng ký 01 bản trực tiếp.

+ Trong trường hợp không cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi hoặc không xác nhận việc đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm, Chi cục Thủy sản sẽ trả lời chủ cơ sở bằng văn bản, nêu rõ lý do và không trả lại hồ sơ.

- **Bước 4:** Chủ cơ sở căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp đăng ký độc lập:

- Giấy đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi (theo mẫu);
- Sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi do chủ cơ sở nuôi xây dựng hoặc 02 bản Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm.

+ Trường hợp đăng ký đồng thời:

- Giấy đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi (theo mẫu);
- Sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi do chủ cơ sở nuôi xây dựng;
- 02 bản Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ cơ sở nuôi cá Tra.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra, Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm (trường hợp đăng ký đồng thời) hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi (Phụ lục 2 của Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014).

- Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm (Phụ lục 3 của Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014).

i) Lệ phí: Không

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý thủ tục hành chính:

- Nghị định 36/2014/NĐ-CP, ngày 29/4/2014 của Chính phủ quy định về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá tra.

- Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Phụ lục 2**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CẤP MÃ SỐ NHẬN ĐIỆN
CƠ SỞ NUÔI CÁ TRA THƯƠNG PHẨM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****GIẤY ĐĂNG KÝ CẤP MÃ SỐ NHẬN ĐIỆN CƠ SỞ NUÔI CÁ
TRA THƯƠNG PHẨM**

Kính gửi¹:

Họ, tên chủ cơ sở:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại....., Fax Email (nếu có):

Căn cứ Thông tư số/2014/TT-BNNPTNT ngày .../.../2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Đăng ký cấp mã số nhận diện cho từng ao nuôi cá Tra như sau:

TT	Ao nuôi ²	Địa chỉ ao nuôi ³	Diện tích ao nuôi (m ²)

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

., ngày tháng năm ...

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

1 Ghi rõ tên cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản.

2 Ghi rõ vị trí, địa điểm ao nuôi theo sơ đồ ao nuôi.

3 Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện.

Phụ lục 3

MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ NUÔI CÁ TRA THƯƠNG PHẨM
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ NUÔI CÁ TRA THƯƠNG PHẨM

Kính gửi⁴:

Họ, tên chủ cơ sở:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại....., Fax Email (nếu có):

Căn cứ Thông tư số/2014/TT-BNNPTNT ngày/.../.... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm như sau:

TT	Ao nuôi ⁵	Địa chỉ ao nuôi ⁶	Mã số nhận diện ao nuôi ⁷	Diện tích ao nuôi (m ²)	Thời gian thả giống dự kiến (ngày, tháng)	Số lượng giống dự kiến thả (con)	Thời gian thu hoạch dự kiến (tháng, năm)	Sản lượng dự kiến (tấn)

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./

....., ngày tháng năm
 Xác nhận của cơ quan quản lý NTTS
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm
CHỦ CƠ SỞ
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Vào sổ số⁸:..... /20...

4 Ghi rõ tên cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản.

5 Ghi rõ vị trí, địa điểm ao nuôi theo sơ đồ ao nuôi kèm theo Giấy đăng ký.

6 Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện.

7 Chủ cơ sở cập nhật mã số nhận diện ao nuôi khi đăng ký từ lần thứ 2.

8 Do Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản ghi để theo dõi, quản lý

Phụ lục 4

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN MÃ SỐ NHẬN DIỆN CƠ SỞ NUÔI CÁ TRA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.....
CHI CỤC.....

Căn cứ Thông tư số...../2014/TT-BNNPTNT ngày/.../2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

CHỨNG NHẬN

Số:/20...

Tên cơ sở/họ tên chủ cơ sở⁹:
Địa chỉ cơ sở:
Số điện thoại: Fax:
Email (nếu có):
Mã số cơ sở nuôi (AA-BB-CCCC):
Có mã số nhận diện từng ao nuôi cá Tra như sau:

TT	Mã số nhận diện ao nuôi ¹⁰	Ao nuôi ¹¹	Diện tích ao nuôi (m ²)	Địa chỉ ao nuôi ¹²
1				
2				
3				

Cơ sở phải sử dụng mã số theo đúng quy định tại Thông tư số/2014/TT-BNNPTNT ngày/.../2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

....., ngày....tháng năm....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

9 Ghi rõ tên cơ sở (doanh nghiệp) hoặc họ tên chủ cơ sở (cá nhân không đăng ký kinh doanh).

10 Mã số nhận diện ao nuôi cấp cho cơ sở theo từng ao.

11 Ghi rõ ký hiệu hoặc tên ao nuôi, vị trí, địa điểm ao nuôi theo sơ đồ ao nuôi.

12 Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện.

3. Thủ tục cấp lại mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra thương phẩm.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Chậm nhất trước thời điểm thả giống 20 ngày, Chủ cơ sở nuôi cá Tra (chủ cơ sở) chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận), từ thứ Hai đến thứ Sáu (buổi sáng từ 07 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút, buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ và cấp biên nhận cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp).

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ: trong thời gian không quá 01 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp trực tiếp và không quá 02 ngày làm việc đối với hồ sơ nộp qua đường bưu điện, hướng dẫn để bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

- Bước 3:

+ Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy sản sẽ cấp Giấy chứng nhận mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra, lưu 01 bản và trả cho chủ cơ sở đăng ký 01 bản trực tiếp.

+ Trong trường hợp không cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi, Chi cục Thủy sản sẽ trả lời chủ cơ sở bằng văn bản, nêu rõ lý do và không trả lại hồ sơ.

- **Bước 4:** Chủ cơ sở căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Trường hợp đăng ký độc lập:

• Giấy đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi (theo mẫu);

• Sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi do chủ cơ sở nuôi xây dựng hoặc 02 bản Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm (theo mẫu).

+ Trường hợp đăng ký đồng thời:

• Giấy đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi (theo mẫu);

- Sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi do chủ cơ sở nuôi xây dựng;
- 02 bản Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ cơ sở nuôi cá Tra.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận mã số nhận diện cơ sở nuôi cá Tra hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy đăng ký cấp mã số nhận diện cơ sở nuôi (Phụ lục 2 của Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014).

- Giấy đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm (Phụ lục 3 của Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014).

i) Lệ phí: Không

k) Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Các trường hợp phải thực hiện đăng ký lại: Khi thay đổi chủ cơ sở nuôi hoặc thay đổi diện tích ao nuôi hoặc sơ đồ mặt bằng vị trí ao nuôi.

l) Căn cứ pháp lý thủ tục hành chính:

- Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của Chính phủ quy định về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá tra.

- Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ trưởng Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP ngày 29/4/2014 của chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Phụ lục 2**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ CẤP MÃ SỐ NHẬN ĐIỆN
CƠ SỞ NUÔI CÁ TRA THƯƠNG PHẨM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
-----**GIẤY ĐĂNG KÝ CẤP MÃ SỐ NHẬN ĐIỆN CƠ SỞ NUÔI CÁ
TRA THƯƠNG PHẨM**Kính gửi¹:

Họ, tên chủ cơ sở:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại....., Fax Email (nếu có):

Căn cứ Thông tư số/2014/TT-BNNPTNT ngày .../.../2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Đăng ký cấp mã số nhận diện cho từng ao nuôi cá Tra như sau:

TT	Ao nuôi²	Địa chỉ ao nuôi³	Diện tích ao nuôi (m²)

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./.

....., ngày tháng năm ...

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

1 Ghi rõ tên cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản.

2 Ghi rõ vị trí, địa điểm ao nuôi theo sơ đồ ao nuôi.

3 Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện.

Phụ lục 3**MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ NUÔI CÁ TRA THƯƠNG PHẨM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ NUÔI CÁ TRA THƯƠNG PHẨM

Kính gửi⁴:

Họ, tên chủ cơ sở:

Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại....., Fax Email (nếu có):

Căn cứ Thông tư số/2014/TT-BNNPTNT ngày/.../.... của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

Đăng ký nuôi cá Tra thương phẩm như sau:

TT	Ao nuôi ⁵	Địa chỉ ao nuôi ⁶	Mã số nhận diện ao nuôi ⁷	Diện tích ao nuôi (m ²)	Thời gian thả giống dự kiến (ngày, tháng)	Số lượng giống dự kiến thả (con)	Thời gian thu hoạch dự kiến (tháng, năm)	Sản lượng dự kiến (tấn)

Tôi xin cam đoan và chịu trách nhiệm về các thông tin đã kê khai./

....., ngày tháng năm

Xác nhận của cơ quan quản lý NTTS

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày tháng năm

CHỦ CƠ SỞ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu nếu có)

Vào sổ số⁸:..... /20...

4 Ghi rõ tên cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản.

5 Ghi rõ vị trí, địa điểm ao nuôi theo sơ đồ ao nuôi kèm theo Giấy đăng ký.

6 Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện.

7 Chủ cơ sở cập nhật mã số nhận diện ao nuôi khi đăng ký từ lần thứ 2.

8 Do Cơ quan quản lý nuôi trồng thủy sản ghi để theo dõi, quản lý

Phụ lục 4

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN MÃ SỐ NHẬN DIỆN CƠ SỞ NUÔI CÁ TRA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 23/2014/TT-BNNPTNT ngày 29/7/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN.....
CHI CỤC

Căn cứ Thông tư số...../2014/TT-BNNPTNT ngày/.../2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

CHỨNG NHẬN

Số: .../20...

Tên cơ sở/họ tên chủ cơ sở⁹:
Địa chỉ cơ sở:
Số điện thoại: Fax:
Email (nếu có):
Mã số cơ sở nuôi (AA-BB-CCCC):
Có mã số nhận diện từng ao nuôi cá Tra như sau:

TT	Mã số nhận diện ao nuôi ¹⁰	Ao nuôi ¹¹	Diện tích ao nuôi (m ²)	Địa chỉ ao nuôi ¹²
1				
2				
3				

Cơ sở phải sử dụng mã số theo đúng quy định tại Thông tư số/2014/TT-BNNPTNT ngày/.../2014 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 36/2014/NĐ-CP của Chính phủ về nuôi, chế biến và xuất khẩu sản phẩm cá Tra.

....., ngày....tháng năm....

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

9 Ghi rõ tên cơ sở (doanh nghiệp) hoặc họ tên chủ cơ sở (cá nhân không đăng ký kinh doanh).

10 Mã số nhận diện ao nuôi cấp cho cơ sở theo từng ao.

11 Ghi rõ ký hiệu hoặc tên ao nuôi, vị trí, địa điểm ao nuôi theo sơ đồ ao nuôi.

12 Ghi cụ thể đến ấp, thôn, xã, huyện.

4. Thủ tục xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Chủ hàng (chủ lô hàng thủy sản) có nhu cầu xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho Chủ hàng (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung đầy đủ theo đúng quy định.

- **Bước 3:** Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác, Chi cục Thủy sản kiểm tra tính xác thực của thông tin đã khai trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và thực hiện:

+ Xác nhận khi lô hàng có nội dung đúng với kê khai trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác và trả 01 (một) bản cho chủ hàng xuất khẩu, 01 (một) bản lưu tại Chi cục Thủy sản;

+ Không xác nhận khi lô hàng có nội dung không đúng với kê khai trong Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác hoặc sử dụng nguyên liệu từ tàu cá nằm trong danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp. Trường hợp không xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác phải có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Chủ hàng căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ hàng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác (Phụ lục IV của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015).

i) Lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

- Quyết định số 3699/QĐ-BNN-TCTS ngày 08/9/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đính chính Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

Phụ lục IV Annex IV

**XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN KHAI THÁC
CATCH STATEMENT FOR RAW MATERIAL**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Promulgated under Circular No: 50/2015/TT-BNNPTNT dated on 30/12/2015 by Minister of Minisstry of Agriculture and Rural Development)

**XÁC NHẬN NGUYÊN LIỆU THỦY SẢN KHAI THÁC
CATCH STATEMENT FOR RAW MATERIAL**

Số xác nhận/Statement number:												
Cơ quan thẩm quyền/Validating authority:												
Tên/Name:..... Address Địa chỉ:.....												
Tel:			Fax:				Email:					
Tàu cá/Fishing vessel						Mô tả sản phẩm/Product description					Thuyền trưởng /người đại diện Master of the fishing vessel/representative	
Tên tàu/ số đăng ký, (Nghề khai thác) Name/Registration (Fishing gear code)	Loại Tàu nhỏ * Tàu thông thường ** Type: Small */ Normal **	Cảng đăng ký Home port	Hồ hiệu Call sign	Inmarsat, Fax, điện thoại (nếu có) Inmarsat, fax, Tel No (if issued)	Số giấy phép, giá trị đến ngày Fishing licence no., period of validity	Vùng và thời gian khai thác Catch area(s) and date	Tên loài Species Name	Ngày lên cá Date of landing	Tổng khối lượng khai thác của tàu cá (kg) Total catch of the vessel (kg)	Tổng khối lượng nguyên liệu mua từ tàu cá (kg) Total raw material bought from the vessel (kg)	Tên Name	Chữ ký Signature
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
								Tổng/ Total				

Nhà máy chế biến (nếu khác nhà máy chế biến)/ Processing plant (if different from the processing plant)			Cơ quan thẩm quyền/Validating authority	
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal		Tên và địa chỉ/Name and address:	
Chủ hàng xuất khẩu/Exporter			Chữ ký và đóng dấu/Signature and seal	Ngày/Date
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal			

Mô tả nguyên liệu đã sử dụng đề nghị chứng nhận thủy sản khai thác/Description of raw materials used for the Catch Certificate					
TT No.	Tên tàu/Số đăng ký Vessel name/Registration number	Tên sản loài Species name	Khối lượng nguyên liệu đã sử dụng đề nghị chứng nhận (kg) Raw material amount used for the Catch Certificate	Số chứng nhận Catch Certificate number	Chữ ký và dấu của cơ quan thẩm quyền Signature and seal of the validating authority
1					
2					
...					

5. Thủ tục chứng nhận thủy sản khai thác.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Chủ hàng (là chủ lô hàng thủy sản) chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho Chủ hàng (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung đầy đủ theo quy định.

- **Bước 3:** Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ hàng, Chi cục Thủy sản xem xét hồ sơ, kiểm tra thông tin trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác và thực hiện:

+ Chứng nhận khi lô hàng có nội dung đúng với kê khai trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác và trả 01 (một) bộ hồ sơ cho chủ hàng, 01 (một) bộ lưu tại Chi cục Thủy sản;

+ Không chứng nhận khi lô hàng có nội dung không đúng với kê khai trong hồ sơ hoặc sử dụng nguyên liệu từ tàu cá nằm trong danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp. Trường hợp không chứng nhận phải có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Chủ hàng căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (theo mẫu) hoặc mẫu Giấy chứng nhận khác theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nơi nhập khẩu. Trường hợp lô hàng sử

dụng nguyên liệu từ nhiều hơn 01 (một) tàu hoặc trường hợp nguyên liệu mua từ 01 (một) tàu nhưng được chế biến thành nhiều lô hàng thì phải kèm theo các thông tin bổ sung quy định (theo mẫu);

+ Bản kê khai Phụ đính Thông tin vận tải (theo mẫu);

+ Bản sao chụp Giấy xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Hai (02) ngày làm việc kể từ ngày đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ hàng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận thủy sản khai thác hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (Phụ lục V của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015);

- Bản Thông tin bổ sung cho các sản phẩm thủy sản được chế biến từ tàu cá của Việt Nam (Phụ đính Va thuộc Phụ lục V của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015);

- Bản kê khai Thông tin vận tải (Phụ đính Vb thuộc Phụ lục V của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015).

i) Lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không


l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

- Quyết định số 3699/QĐ-BNN-TCTS ngày 08/9/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đính chính Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

**Phụ lục V Annex V
CHỨNG NHẬN THỦY SẢN KHAI THÁC
CATCH CERTIFICATE**

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Promugated under Circular No: 50/2015/TT-BNNPTNT dated on 30/12/2015 by Minister of Minisstry of Agriculture and Rural Development)

		BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỔNG CỤC THỦY SẢN MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT DIRECTORATE OF FISHERIES			
		CHỨNG NHẬN THỦY SẢN KHAI THÁC CATCH CERTIFICATE			
Số chứng nhận/Document number.....		Cơ quan thẩm quyền Validating authority:			
1. Tên cơ quan thẩm quyền/Authority's name:		Địa chỉ/Address:		Tel: Fax:	
2. Tên tàu/ số đăng ký/Fishing vessel name/ Registration No.:		Cảng đăng ký, Cờ/Home port, Flag:		Hô hiệu/Call sign:	Số IMO, Lloyd's (nếu có)/ IMO/ Lloyd's number (if issued):
Giấy phép khai thác - Giá trị đến ngày Fishing license No - Valid to:		Số Inmarsat, Fax, điện thoại, địa chỉ Email (nếu có) Inmarsat No, Fax, Telephone No, Email address (if issued):			
Thông tin về tàu cá chi tiết xem Phụ đính Va kèm theo/Information of Fishing vessel is indicated on the Appendix Va					
3. Mô tả sản phẩm/Description of Products		Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép (nếu có) Type of processing authorized on board (if available):			
Loại Species	Mã sản phẩm Product code	Vùng và thời gian khai thác Catch area(s) and dates	Khối lượng nguyên liệu ước tính của lô hàng (kg) Estimated live weight	Khối lượng lên bến ước tính của tàu cá (nếu có) (kg) Estimated weight to be landed (if available) (kg)	Khối lượng nguyên liệu đã được xác nhận (nếu có) (kg) Verified weight landed (if available) (kg)

4. Tham chiếu các quy định về quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản/References of applicable conservation and management measures:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

5. Tên thuyền trưởng tàu cá - Chữ ký - dấu/Name of master of fishing vessel - Signature - seal

6. Khai báo chuyển tải trên biển (tên thuyền trưởng tàu khai thác)/Declaration of transshipment at sea (name of master of fishing vessel)	Chữ ký và ngày Signature and date	Khu vực/vị trí chuyển tải Transshipment area/position	Khối lượng ước tính (kg) Estimated weight (kg)	
Tên thuyền trưởng tàu nhận Master of receiving vessel	Chữ ký/Signature	Tên tàu/Vessel name	Hô hiệu/Call sign	Số IMO, Lloyd's (nếu có) IMO/ Lloyd's number (if issued):

7. Xác nhận chuyển hàng tại cảng/Transshipment authorization within a port area							
Tên/Name	Cơ quan quản lý cảng Port authority	Chữ ký/Signature	Địa chỉ/Address	Điện thoại Tel	Cảng lên cá Port of landing	Ngày lên cá Date of landing	Dấu/Seal (stamp)
8. Tên chủ hàng xuất khẩu/Name and address of exporter			Chữ ký/Signature	Ngày/Date		Dấu/Seal	
9. Chứng nhận của Cơ quan thẩm quyền nước treo cờ/Flag state authority validation							
Full name Họ và tên Title Chức vụ			Signature Chữ ký:	Date Ngày		Seal Dấu	
10. Thông tin vận tải, xem Phụ đính Vb kèm theo/Transport details, see Appendix Vb attached							
11. Khai báo của đơn vị nhập khẩu/Importer declaration							
Tên đơn vị nhập khẩu/Name of importer Địa chỉ/Address		Chữ ký/Signature	Ngày/Date	Dấu/Seal		Mã CN sản phẩm Product CN code	
Theo quy định của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu: As regulated by the imported authorities:		Tài liệu tham chiếu Reference					
12. Cơ quan thẩm quyền kiểm soát nhập khẩu 12. Import control - authority		Địa điểm/Place	Cho phép nhập khẩu Importation authorized	Chưa cho phép nhập khẩu Importation suspended	Yêu cầu kiểm tra - ngày Verification requested - date		
Khai báo hải quan, nếu có Customs declaration, if issued		Số/Number		Ngày/Date	Địa điểm/Place:		

Phụ đính Va/Appendix Va
THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC SẢN PHẨM THỦY SẢN ĐƯỢC CHẾ BIẾN TỪ TÀU CÁ CỦA VIỆT NAM
ADDITIONAL INFORMATION FOR FISHERIES PRODUCTS OBTAINED FROM THE FISHING VESSELS OF VIET NAM

Đính kèm Chứng nhận số/Attached to the Catch certificate:

Mục I/Section I:

Quốc gia tàu treo cờ: State/Flag: Việt Nam

Các thông tin sau cần thu thập trong quá trình chứng nhận/The following information in section should be included if available at the moment of request for validation:

Số vận đơn/Invoice No.:

Số công-ten-nơ/ Container No.:

Nước đến/Destination country:

Đơn vị nhập khẩu/Importer:

Mục II/Section II:

Tàu cá Fishing vessel						Mô tả sản phẩm Product description							Thuyền trưởng/chủ tàu /chủ hàng Master/owner of the fishing vessel/exporter			
Tên, số đăng ký (Nghề khai thác Name, Registration (Fishing gear code))	Loại: Tàu nhỏ* Tàu thông thường** Type: Small */ Normal**	Cảng đăng ký Home port	Hồ hiệu Call sign	Inmarsat, Fax, điện thoại (nếu có) Inmarsat, fax, Tel No (if issued)	Số giấy phép, giá trị đến ngày Fishing licence No, period of validity	Vùng và thời gian khai thác Catch area(s) and date	Tên loài Species Name	Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép Type processing authorized on board	Ngày lên cá Date of landing	Tổng khối lượng khai thác của tàu cá (kg) Total catch of the vessel (kg)	Khối lượng nguyên liệu đưa vào chế biến từ tổng khối lượng khai thác (kg) Catch processed from the total catch (kg)	Khối lượng sản phẩm thủy sản trong lô hàng (kg) Processed fishery product for export (kg)	Product Mã sản phẩm HS code of the exported	Tên Name	Ngày và chữ ký Date and signature	Dấu Seal
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
									Tổng/ Total							

Nhà máy chế biến (nếu khác nhà máy chế biến) Processing plant (if different from the processing plant)		Cơ quan thẩm quyền/Validating authority	
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal	Tên và địa chỉ/Name and address:	
Chủ hàng/Exporter		Chữ ký và đóng dấu/Signature and seal	Ngày tháng năm/Date:
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal		

“Tôi cam kết rằng những thông tin trên là đúng sự thực và phù hợp với khai báo ở trên”

“I hereby declare that the above information is true and corresponds to the above described export”

Phụ đính Vb Appendix Vb
THÔNG TIN VẬN TẢI/TRANSPORT DETAILS

Document number/Số chứng nhận			
1.1. Quốc gia xuất khẩu/Country of Exportation:			
Cảng/sân bay/ địa điểm xuất phát khác Port/airport/other place of departure:			
Tên tàu/Nước treo cờ Vessel name/flag			
Số chuyến/số vận đơn đường biển Voyage No./Bill of landing No:			
Số chuyến bay/Số vận đơn hàng không Flight number/airway bill number:			
Quốc tịch xe và số đăng ký/Truck nationality and registration number:			
Số vận đơn đường sắt/Railway bill number:			
Các giấy tờ vận tải khác/Other transport documents:			
1.2 Chữ ký của chủ hàng xuất khẩu/Exporter Signature			
Số công - tên - nơ, xem danh sách kèm theo Container number(s), see list below	Tên của nhà xuất khẩu Name of Exporter	Địa chỉ Address	Chữ ký Signature

6. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Khi tiến hành đăng ký tàu cá cũ mua của nước ngoài để sử dụng, nhưng chủ tàu chưa có giấy chứng nhận xóa tên đăng ký tàu biển và giấy chứng nhận đã nộp lệ phí trước bạ hoặc khi tiến hành đăng ký tàu cá đóng mới tại Việt Nam để di chuyển về nơi đăng ký chính thức, Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì cấp biên nhận có hạn ngày trả kết quả cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, Hoàn thiện.

- Bước 3:

+ Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hoặc hồ sơ đăng ký chưa hợp lệ, Chi cục Thủy sản sẽ thông báo tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký tàu cá trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

+ Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đủ theo quy định, Chi cục Thủy sản sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời theo quy định.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (theo mẫu);

+ Hợp đồng đóng tàu hoặc hợp đồng chuyển dịch sở hữu tàu.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời hoặc thông báo từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời (Phụ lục 8 của Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)

i) Lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tàu cá được cấp "Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời" trong các trường hợp sau đây:

+ Khi tiến hành đăng ký tàu cá cũ mua của nước ngoài để sử dụng, nhưng chủ tàu chưa có giấy chứng nhận xóa tên đăng ký tàu biển và giấy chứng nhận đã nộp lệ phí trước bạ;

+ Khi tiến hành đăng ký tàu cá đóng mới tại Việt Nam để di chuyển về nơi đăng ký chính thức.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản về ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.

Phụ lục 8*(Ban hành kèm theo Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ TẠM THỜI****Kính gửi:**

Họ tên người đứng khai:

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá tạm thời với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng:

Năm, nơi đóng:

Cảng (*Bến đậu*) đăng ký:Kích thước chính $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$:; Chiều chìm d, m :

Vật liệu ô:; Tổng dung tích:

Sức chở tối đa, *tấn*:Số thuyền viên, *người*:

Nghề chính:Nghề kiêm:

Vùng hoạt động:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, <i>sức ngựa</i>	Vòng quay định mức, <i>v/ph</i>	Ghi chú
N ^o 1					
N ^o 2					
N ^o 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU*(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)*

Phụ lục 1d*(Ban hành kèm theo Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006)*

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../

.....ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TẠM THỜI
(có giá trị đến hết ngày.....tháng.....năm.....)

Tên tàu:.....

Chủ tàu:.....

Loại tàu:.....

Công dụng:.....

Năm, nơi đóng:.....

Lý do đăng ký tạm thời:.....

Đặc điểm kỹ thuật

+ Vỏ tàu

- Chiều dài lớn nhất (L_{max}), m:.....- Chiều rộng lớn nhất (B_{max}), m:.....

- Chiều cao mạn (D), m:.....

- Chiều chìm (d), m:.....

- Mạn khô (f), m:.....

- Tổng dung tích:.....

- Sức trở tối đa, tấn:.....

+ Máy chính

TT	Ký hiệu	Số máy	Công suất (sức ngựa)	Năm, nơi chế tạo

Giấy chứng nhận này có giá trị trong 90 ngày kể từ ngày cấp

Thủ trưởng Cơ quan

7. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, bị rách nát, hư hỏng; Thay đổi tên tàu, hồ hiệu (nếu có) hoặc các thông số kỹ thuật của tàu, Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- Bước 2:

* Trường hợp cá nhân, tổ chức nộp hồ sơ trực tiếp:

+ Nếu hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho tổ chức, cá nhân.

+ Nếu hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định ngay khi nhận được hồ sơ.

* Trong trường hợp tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ qua đường bưu điện, Chi cục Thủy sản xem xét, hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.

- **Bước 3:** Chậm nhất không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Thủy sản xét cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cho chủ tàu. Trường hợp từ chối phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai đề nghị đổi tên tàu hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (nếu bị rách nát, hư hỏng hoặc thay đổi tên tàu, bản chính) hoặc giấy khai báo bị mất “Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá”.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Tờ khai đề nghị đổi tên tàu hoặc cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá (Phụ lục 7 của Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011).

i) Lệ phí: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá được cấp lại trong các trường hợp sau đây:

+ Thay đổi tên tàu, hộ chiếu (nếu có) hoặc các thông số kỹ thuật của tàu.

+ Giấy chứng nhận đăng ký bị mất, bị rách nát, hư hỏng.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản về ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.

Phụ lục 7*(Ban hành kèm theo Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

TỜ KHAI**ĐỔI TÊN TÀU/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ****Kính gửi:**

Họ tên người đứng khai:

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng

Năm, nơi đóng:

Cảng (Bến đậu) đăng ký:

Kích thước chính $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$:; Chiều chìm d, m :

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích:

Sức chở tối đa, tấn: Số thuyền viên, người

Nghề chính: Nghề kiêm:

Vùng hoạt động:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N ^o 1					
N ^o 2					
N ^o 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU*(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)*

8. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá chuyển nhượng quyền sở hữu.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận cho tổ chức, cá nhân (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người nộp bổ sung Hoàn thiện.

- Bước 3:

+ Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hoặc hồ sơ đăng ký chưa hợp lệ, Chi cục Thủy sản hướng dẫn chủ tàu bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Thủy sản sẽ làm thủ tục đăng ký, vào sổ đăng ký tàu cá và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu);

+ Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định hiện hành của Nhà nước (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (bản chính) kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu (bản chính).

- + Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);
- + Ảnh tàu cỡ 9x12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký tàu cá (Phụ lục 4 của Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011).

i) Lệ phí: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phù hợp với chủ trương phát triển tàu cá của ngành thủy sản;
- Chủ tàu cá phải cam kết không sử dụng tàu vào các mục đích khác trái pháp luật;
- Không còn mang số đăng ký tàu nào khác;
- Đã Hoàn tất việc đăng kiểm;
- Nếu là tàu cá nhập khẩu thì không được quá 8 tuổi đối với tàu vỏ gỗ và 15 tuổi đối với tàu vỏ bằng vật liệu khác;
- Tàu cá thuộc tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có trụ sở thường trú tại Việt Nam và phải được Chính phủ Việt Nam cho phép.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản về ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên.
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.

Phụ lục 4*(Ban hành kèm theo Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ****Kính gửi:**

Họ tên người đứng khai:

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng

Năm, nơi đóng:

Cảng (Bến đầu) đăng ký:

Kích thước chính $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$:; Chiều chìm d, m :

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích:

Sức chở tối đa, tấn: Số thuyền viên, người:

Nghề chính: Nghề kiêm:

Vùng hoạt động:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N ^o 1					
N ^o 2					
N ^o 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

9. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần hoặc thuê - mua tàu.

a. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận cho tổ chức, cá nhân (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, Hoàn thiện.

- Bước 3:

+ Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hoặc hồ sơ đăng ký chưa hợp lệ, Chi cục Thủy sản hướng dẫn chủ tàu bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Thủy sản sẽ làm thủ tục đăng ký, vào sổ đăng ký tàu cá và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu);

+ Văn bản chấp thuận cho thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu vào Việt Nam do cơ quan Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp (bản chính);

+ Hợp đồng thuê tàu trần, hoặc thuê - mua tàu vào Việt Nam (bản chính);

+ Giấy chứng nhận tạm ngừng đăng ký cũ của tàu do cơ quan Đăng ký cũ cấp

(bản chính) và kèm theo bản dịch ra tiếng Việt do cơ quan có thẩm quyền xác nhận nội dung dịch.

+ Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);

+ Ảnh tàu cỡ 9x12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký tàu cá (Phụ lục 4 của Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011).

i) Lệ phí: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phù hợp với chủ trương phát triển tàu cá của ngành thủy sản;

- Chủ tàu cá phải cam kết không sử dụng tàu vào các mục đích khác trái pháp luật;

- Không còn mang số đăng ký tàu nào khác;

- Đã hoàn tất việc đăng kiểm;

- Nếu là tàu cá nhập khẩu thì không được quá 8 tuổi đối với tàu vỏ gỗ và 15 tuổi đối với tàu vỏ bằng vật liệu khác;

- Tàu cá thuộc tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có trụ sở thường trú tại Việt Nam và phải được Chính phủ Việt Nam cho phép.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản về ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.

Phụ lục 4*(Ban hành kèm theo Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ****Kính gửi:**

Họ tên người đứng khai:

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng

Năm, nơi đóng:

Cảng (Bến đậu) đăng ký:

Kích thước chính $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$:; Chiều chìm d, m :

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích:

Sức chở tối đa, tấn:Số thuyền viên, người

Nghề chính:Nghề kiêm:

Vùng hoạt động:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N ^o 1					
N ^o 2					
N ^o 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

10. Thủ tục cấp sổ danh bạ thuyền viên.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Chủ tàu cá chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh nơi đăng ký tàu cá hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ thì cấp giấy biên nhận cho chủ tàu cá (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, Hoàn thiện.

- Bước 3:

+ Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hoặc hồ sơ đăng ký chưa hợp lệ theo quy định thì trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Chi cục Thủy sản sẽ thông báo cho chủ tàu cá để bổ sung hồ sơ theo quy định.

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy sản cấp sổ danh bạ thuyền viên tàu cá cho chủ tàu.

- **Bước 4:** Chủ tàu cá căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai đăng ký danh sách thuyền viên tàu cá (theo mẫu), kèm theo danh sách thuyền viên tàu cá,

+ Chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với các chức danh quy định trên tàu cá hoặc Chứng minh thư nhân dân (bản sao).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. Trường hợp từ chối: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tàu cá.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký danh sách thuyền viên tàu cá (Phục lục 9 của Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011).

i) Lệ phí: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản về ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.

Phụ lục 9

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ DANH SÁCH THUYỀN VIÊN TÀU CÁ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

... .., ngày... ..tháng... ..năm... ..

TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ DANH SÁCH THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Kính gửi:.....

Tên tôi là:.....Nam, nữ.....

Ngày tháng năm sinh:.....

Nguyên quán:.....

Thường trú tại:.....

Là chủ tàu:

Chứng minh nhân dân số:.....cấp tại.....

Nghề nghiệp:.....

Trình độ văn hoá:.....

Trình độ chuyên môn:.....

Chứng chỉ chuyên môn số:.....ngày cấp.....

Cơ quan cấp:.....

Tôi làm tờ khai này kính trình cơ quan đăng ký tàu cá cấp danh sách thuyền viên tàu cá.

Tôi xin chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của Nhà nước ban hành.

Người khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

11. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ thì cấp giấy biên nhận cho tổ chức, cá nhân (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, Hoàn thiện.

- Bước 3:

+ Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hoặc hồ sơ đăng ký chưa hợp lệ: Trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy sản thông báo tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký bè cá.

+ Trong thời gian 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Chi cục Thủy sản sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai đăng ký bè cá (theo mẫu);

+ Giấy tờ hợp pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp về Quyền sử dụng mặt nước, hoặc quyền thuê mặt nước đặt bè cá;

+ Sơ đồ vùng nước nơi đặt bè cá (nếu có);

+ Giấy cam kết đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn vệ sinh thú y, vệ sinh an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường trong hoạt động nuôi thủy sản bằng bè cá.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký bè cá hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký bè cá (Phụ lục 5 của Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011).

i) Lệ phí: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Bè cá có tổng dung tích từ 50 m³ trở lên.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản về ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.

Phụ lục 5*(Ban hành kèm theo Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ BÈ CÁ****Kính gửi:**

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký bè cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của bè cá như sau:

Đối tượng nuôi:

Năm, nơi đóng:

Nơi đặt bè:

Kích thước chính L x B x D, m:

Vật liệu khung bè: ; Vật liệu dự trữ nổi:

Tổng dung tích:.....

Các thiết bị lắp đặt trên bè cá:

Số người làm việc trên bè cá, người:

2. Họ tên, địa chỉ các chủ sở hữu (Nếu bè cá thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân
01			
02			
03			

3. Hồ sơ kèm theo:

TT	Hồ sơ đăng ký bè cá	Bản chính	Bản sao
01	Hợp đồng đóng mới bè cá		
02	Giấy chứng nhận đăng ký cũ (đối với bè cá chuyển nhượng quyền sở hữu)		
03	Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu bè cá (đối với bè cá chuyển nhượng quyền sở hữu)		
04	Biên lai nộp thuế trước bạ		

Tôi xin cam đoan chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

XÁC NHẬN
ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
của xã, phường nơi đặt bè cá
(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

Phụ lục số 6

Mẫu Giấy chứng nhận đăng ký bè cá

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24 /2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN ĐĂNG KÝ BÈ CÁ)

CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ BÈ CÁ**Bè cá có đặc điểm sau:**

- Kích thước cơ bản; $L(m) \times B(m) \times D(m)$
- Dung tích bè, m^3
- Đối tượng nuôi
- Năm và nơi đóng
- Vật liệu khung bè
- Vật liệu dự trữ nổi của bè
- Nơi neo đậu
- Số người làm việc trên bè
- Chủ bè:
- Nơi thường trú
- Điện thoại

Được cấp số đăng ký:

Cấp tại, ngày.....tháng.....năm...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN
(ký tên đóng dấu)

Số vào Sổ đăng ký:

12. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá cải hoán.

a. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ thì cấp giấy biên nhận cho tổ chức, cá nhân (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người nộp bổ sung, Hoàn thiện.

- Bước 3:

+ Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hoặc hồ sơ đăng ký chưa hợp lệ: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy sản hướng dẫn tổ chức, cá nhân bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Thủy sản sẽ làm thủ tục đăng ký, vào sổ đăng ký tàu cá và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu),

+ Giấy chứng nhận cải hoán, sửa chữa tàu (bản chính);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ (bản gốc);

+ Văn bản chấp thuận đóng mới của Sở Thủy sản hoặc Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

- + Biên lai nộp thuế trước bạ (bản chính);
- + Ảnh tàu (cỡ 9x12, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu)
- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối: 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký tàu cá (Phụ lục 4 của Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011).

i) Lệ phí: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phù hợp với chủ trương phát triển tàu cá của ngành thủy sản;
- Chủ tàu cá phải cam kết không sử dụng tàu vào các mục đích khác trái pháp luật;
- Không còn mang số đăng ký tàu nào khác;
- Đã Hoàn tất việc đăng kiểm;
- Nếu là tàu cá nhập khẩu thì không được quá 8 tuổi đối với tàu vỏ gỗ và 15 tuổi đối với tàu vỏ bằng vật liệu khác;
- Tàu cá thuộc tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có trụ sở thường trú tại Việt Nam và phải được Chính phủ Việt Nam cho phép.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản về ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên.
- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.

Phụ lục 4*(Ban hành kèm theo Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ****Kính gửi:**

Họ tên người đứng khai:

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng

Năm, nơi đóng:

Cảng (*Bến đậu*) đăng ký:Kích thước chính $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$:; Chiều chìm d, m :

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích:

Sức chở tối đa, *tấn*:Số thuyền viên, *người*:

Nghề chính:Nghề kiêm:

Vùng hoạt động:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, <i>sức ngựa</i>	Vòng quay định mức, <i>v/ph</i>	Ghi chú
N ^o 1					
N ^o 2					
N ^o 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU*(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)*

13. Thủ tục cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp, gửi qua fax, email, sau đó gửi hồ sơ bản chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận có ngày hẹn trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung.

- Bước 3:

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Thủy sản thông báo cho tổ chức, cá nhân thời gian chính thức sẽ tiến hành kiểm tra, nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra tàu cá, Chi cục Thủy sản cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp Giấy Chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản

Trường hợp gửi qua fax, email: khi nhận kết quả, tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ bản chính.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, gửi qua fax, email tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

+ Trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, thông báo thời gian chính thức sẽ tiến hành kiểm tra, nhưng không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra tàu cá, cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hoặc thông báo bằng văn bản lý do không cấp.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá (Phụ lục 10 của Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011).

i) Lệ phí: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 96/2007/QĐ-BNN ngày 28/11/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy chế đăng kiểm tàu cá;

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.

Phụ lục 10

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**ĐƠN ĐĂNG KÝ
CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT TÀU CÁ**

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Chứng minh nhân dân số:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng.....

Năm, nơi đóng:

Cảng (Bến đầu) đăng ký:

Kích thước chính $L_{max} \times B_{max} \times D, m$: ; Chiều chìm d, m :.....

Vật liệu vỏ: ; Tổng dung tích:

Sức chở tối đa, tấn:Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N ^o 1					
N ^o 2					
N ^o 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

14. Thủ tục Cấp giấy phép khai thác thủy sản.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận có ngày hẹn kết quả cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung đầy đủ.

- **Bước 3:** Trong thời gian 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy sản sẽ cấp giấy phép khai thác thủy sản theo quy định. Trong trường hợp không cấp thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin cấp giấy phép (theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật của tàu cá, đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

+ Sổ danh bạ thuyền viên, đối với loại tàu cá theo quy định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn;

+ Bằng Thuyền trưởng, máy trưởng đối với các loại tàu theo quy định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn phải có bằng thuyền trưởng, máy trưởng;

+ Có ngành nghề khai thác và ngư cụ phù hợp với quy định của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác thủy sản hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn xin cấp giấy phép khai thác thủy sản (Phụ lục 8 của Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006)

i) Lệ phí: (Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016)

Cấp mới: 40.000 đồng/lần cấp.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Có Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá lắp máy có tổng công suất máy chính từ 20 sức ngựa trở lên hoặc không lắp máy có chiều dài đường nước thiết kế từ 15m trở lên; việc đăng ký các loại tàu cá không lắp máy có trọng tải trên 0,5 tấn, chiều dài dưới 15m hoặc tàu lắp máy có công suất máy chính dưới 20CV thực hiện theo Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2005 của Chính phủ về bảo đảm an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản (sau đây gọi chung là Nghị định số 66/2005/NĐ-CP) và Thông tư của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định này.

- Có Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá đối với loại tàu cá được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 66/2005/NĐ-CP và phải còn thời hạn sử dụng.

- Có Sổ danh bạ thuyền viên đối với tàu cá hoạt động tại các tuyến khai thác được quy định tại khoản 3 Điều 12 của Nghị định số 66/2005/NĐ-CP.

- Có Bằng thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá theo quy định hiện hành của Bộ Thủy sản.

- Có nghề khai thác và ngư cụ khai thác phù hợp với quy định của Bộ Thủy sản và quy định của UBND cấp tỉnh đã được sự đồng ý của Bộ Thủy sản.

Bộ Thủy sản quy định:

- Không được sử dụng ngư cụ khai thác thủy sản có kích thước mắt lưới nhỏ hơn quy định tại Phụ lục 2, Phụ lục 3 của Thông tư này;

- Phương tiện làm các nghề khai thác thủy sản kết hợp ánh sáng phải thực hiện quy định về việc sử dụng nguồn sáng trong khai thác thủy sản như sau:

+ Tại tuyến bờ: tổng công suất các cụm chiếu sáng của mỗi đơn vị khai thác không được vượt quá 200W với nghề rờ (vó cất lưới bằng trục quay tay), 500W với nghề câu mực.

+ Tại tuyến lộng: tổng công suất các cụm chiếu sáng của mỗi đơn vị khai thác làm các nghề lưới vây, vó, màn, câu mực, pha xúc không được vượt quá 5.000W; công suất của mỗi bóng đèn dùng trong nghề pha xúc không được vượt quá 2000W và vị trí lắp đặt đèn pha phải cách mặt nước trên 1,2m.

+ Tại tuyến khơi: chưa quy định hạn chế tổng công suất các cụm chiếu sáng và giới hạn công suất của mỗi bóng đèn.

+ Khoảng cách giữa điểm đặt cụm sáng với cụm chà rạo hoặc nghề cố định không được dưới 500m.

- Ngoài các điều kiện nêu tại các điểm a, b, c, d và đ của khoản này còn phải có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khai thác thủy sản theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Luật Thủy sản, trừ trường hợp không thuộc diện phải đăng ký kinh doanh theo quy định tại khoản 2 Điều 24 của Nghị định số 109/2004/NĐ-CP.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/05/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

- Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản v/v hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 4/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.

- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 26/6/2012 của Chính phủ về bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

Phụ lục 8*(Kèm theo Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN XIN CẤP PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN**Kính gửi:**.....

Tên chủ tàu: Điện thoại:.....

Số chứng minh nhân dân.....

Nơi thường trú:.....

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản cấp Giấy phép khai thác thủy sản với nội dung đăng ký như sau:

Tên tàu:.....; Loại tàu.....

Số đăng ký tàu:.....

Năm, nơi đóng tàu:.....

Tần số liên lạc của đài tàu (nếu có), ngày cấp, nơi cấp.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức (CV)	Ghi chú
No 1				
No 2				
No 3				

Ngu trường hoạt động.....

Cảng, bến đăng ký cập tàu:.....

Nghề khai thác chính:.....Nghề phụ.....

Tên đối tượng khai thác chính:.....

Mùa khai thác chính: từ tháng ... năm đến tháng ... năm

Mùa khai thác phụ: từ tháng ... năm đến tháng ... năm

Kích thước mắt lưới ở bộ phận chứa cá 2a, mm:.....

Phương pháp bảo quản sản phẩm:.....

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật

Người làm đơn (Chủ tàu)

15. Thủ tục gia hạn giấy phép khai thác thủy sản.**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận có ngày hẹn trả kết quả cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung đầy đủ.

- **Bước 3:** Trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy sản sẽ gia hạn giấy phép khai thác thủy sản theo quy định. Trong trường hợp không gia hạn giấy phép thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn xin gia hạn giấy phép (theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận an toàn của tàu cá (bản sao chụp).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cá nhân, tổ chức

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác thủy sản hoặc văn bản từ

chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn xin gia hạn giấy phép khai thác thủy sản (Phụ lục 9 của Thông tư 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006).

i) Lệ phí: (Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016)

Gia hạn: 20.000 đồng/lần cấp

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/05/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

- Thông tư 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 4/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.

- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 26/6/2012 của Chính phủ về bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

Phụ lục 9

(Kèm theo Thông tư số 02/2006/TT-BTS ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN XIN GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi:

Tên chủ tàu: Điện thoại:

Nơi thường trú:

Số chứng minh nhân dân

Tàu số liên lạc của đài tàu (nếu có), ngày cấp

nơi cấp

Giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp mang số:, được cấp ngày... tháng... năm.....; hết thời hạn sử dụng vào ngày ... tháng ... năm

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản gia hạn Giấy phép khai thác thủy sản lần thứ..... để tàu của tôi tiếp tục được phép hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép được gia hạn và chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đại diện chủ tàu

(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

16. Thủ tục Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản.**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Trường hợp giấy phép bị mất hoặc giấy phép bị rách, nát, hư hỏng, tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung theo đúng quy định.

- **Bước 3:** Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy sản sẽ gia hạn giấy phép khai thác thủy sản theo quy định. Trong trường hợp không cấp lại giấy phép thì có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đơn xin cấp lại giấy phép (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác thủy sản hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (Phụ lục 1 của Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 26/6/2012).

i) Lệ phí: Cấp lại: 20.000 đồng/lần cấp

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức cá nhân xin cấp lại giấy phép trong trường hợp giấy phép bị mất hoặc giấy phép bị rách, nát, hư hỏng

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/05/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

- Thông tư 02/2006/TT-BTS ngày 20/3/2006 của Bộ Thủy sản V/v hướng dẫn thực hiện Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 4/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 của Chính phủ.

- Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 26/6/2012 của Chính phủ về bổ sung một số điều của các Nghị định về lĩnh vực thủy sản.

- Thông tư số 230/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đăng kiểm an toàn kỹ thuật tàu cá, kiểm định trang thiết bị nghề cá; phí thẩm định xác nhận nguồn gốc nguyên liệu thủy sản; lệ phí cấp giấy phép khai thác, hoạt động thủy sản.

Phụ lục 1*(Kèm theo Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 20/6/2012 của Chính phủ)***CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC THỦY SẢN

Kính gửi:

Tên chủ tàu:..... Điện thoại:

Nơi thường trú:.....

Số chứng minh nhân dân:

Tần số liên lạc của đài tàu (nếu có)..... ngày cấp:

Nơi cấp

Giấy phép khai thác thủy sản đã được cấp mang số:....., được cấp ngày.....tháng.....năm.....; hết thời hạn sử dụng vào ngày tháng năm

Giấy phép nêu trên đã bị (nêu rõ lý do đề nghị đổi hoặc cấp lại):

.....

Đề nghị Cơ quan quản lý nhà nước về Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản đổi/ cấp lại Giấy phép khai thác thủy sản đề tàu của tôi tiếp tục được phép hoạt động khai thác thủy sản.

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu để khai thác thủy sản đúng nội dung được ghi trong giấy phép được đổi/cấp lại và chấp hành đúng các quy định của pháp luật./.

Người làm đơn (chủ tàu)

17. Thủ tục cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai.**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Chủ sở hữu thủy sinh vật ngoại lai chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận có ngày hẹn trả kết quả trao cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung đầy đủ.

- Bước 3:

+ Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ:

- Chi cục Thủy sản lập Hội đồng thẩm định;
- Hội đồng thẩm định xem xét hồ sơ đăng ký lưu giữ của chủ sở hữu; Kiểm tra cơ sở lưu giữ, lập biên bản thẩm định, kiến nghị cấp giấy chứng nhận lưu giữ cho chủ sở hữu có đủ các điều kiện theo quy định.
- Hội đồng thẩm định hoàn thành biên bản thẩm định.

+ Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi hoàn thành biên bản thẩm định, Chi cục Thủy sản sẽ cấp giấy chứng nhận miễn phí lưu giữ cho chủ sở hữu, nếu không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Chủ sở hữu thủy sinh vật ngoại lai căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Đơn đề nghị đăng ký lưu giữ (theo mẫu);

+ Bản mô tả quy trình công nghệ nuôi, giải pháp khoanh vùng quản lý và hệ thống bảo vệ tránh thoát ra ngoài thủy vực tự nhiên.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ sở hữu thủy sinh vật ngoại lai.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký lưu giữ hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị đăng ký lưu giữ (Phụ lục 1 của Thông tư số 53/2009/TT- BNNPTNT ngày 21/8/2009)

i) Lệ phí: Không

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 53/2009/TT-BNNPTNT ngày 21/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định về quản lý thủy sinh vật ngoại lai tại Việt Nam.

Phụ lục I

MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LƯU GIỮ LOÀI THỦY SINH VẬT NGOẠI LAI
(Kèm theo Thông tư số 53/2009/TT-BNN ngày 21/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

TÊN CHỦ SỞ HỮU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày..... tháng năm 200...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LƯU GIỮ

Kính gửi:

Họ và tên người đề nghị: (Trường hợp là tổ chức thì tên người đại diện)

Số CMND:

ngày cấp:

nơi cấp:

Hộ khẩu thường trú:

Chỗ ở hiện tại:

Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Đề nghị cơ quan xem xét, cấp giấy chứng nhận lưu giữ loài thủy sinh vật ngoại lai với chi tiết sau:

TT	Tên loài và tên khoa học	Số chíp điện tử (số hồ sơ), nếu là loài thuộc công ước QT	Số cá thể, khối lượng (ước tính)	Nguồn gốc (Ghi rõ nguồn gốc từ đâu, thời gian nào, được nuôi theo Quyết định nào)	Ghi chú
1					
2					
...				

Mục đích sở hữu: (nuôi kinh doanh, cho sinh sản, giải trí, buôn bán...)

Mô tả cơ sở hạ tầng của trại nuôi: (địa điểm, diện tích, quy mô trại nuôi, biện pháp cách ly đối với loài bản địa, điều kiện về an toàn, phòng ngừa bệnh dịch, vệ sinh môi trường...)

Hồ sơ gửi kèm theo bao gồm: ...

Tôi xin cam đoan chịu trách nhiệm đảm bảo duy trì mọi điều kiện để lưu giữ loài và tuân thủ theo các quy định của Nhà nước.

Người làm đơn (ký, ghi rõ họ tên); đóng dấu đối với tổ chức

Phụ lục II**MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ LOÀI THỦY SINH VẬT NGOẠI LAI**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 53/2009/TT-BNN ngày 21/8/2009 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
CHI CỤC THỦY SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ LƯU GIỮ

Số:

**CHI CỤC KHAI THÁC VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI
THỦY SẢN/CHI CỤC THỦY SẢN (SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT) TỈNH ...
CHỨNG NHẬN**

Chủ sở hữu: (tên trại nuôi, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình)

Địa chỉ:

Họ và tên người đại diện:

Giấy chứng minh nhân dân số: ngày cấp: nơi cấp:

Giấy phép đăng ký kinh doanh số ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ...

Mã số : (do cơ quan cấp giấy chứng nhận ghi để theo dõi)

Được đăng ký sở hữu thủy sinh vật ngoại lai như sau:

TT	Tên loài và (tên khoa học)	Số lượng khi đăng ký	Ghi chú
1			
2			
...		

Cấp tại,.....ngàythángnăm....

Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

18. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá đối với tàu cá đóng mới.**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Tổ chức, cá nhân chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì cấp giấy biên nhận cho tổ chức, cá nhân (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người nộp bổ sung Hoàn thiện.

- Bước 3:

+ Trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hoặc hồ sơ đăng ký chưa hợp lệ: Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy sản hướng dẫn chủ tàu bổ sung những nội dung còn thiếu hoặc chưa đúng quy định.

+ Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Chi cục Thủy sản sẽ làm thủ tục đăng ký, vào sổ đăng ký tàu cá và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá.

- **Bước 4:** Tổ chức, cá nhân căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

+ Tờ khai đăng ký tàu cá (theo mẫu);

+ Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng, sửa tàu cấp (bản chính);

+ Văn bản chấp thuận đóng mới của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc Cục Khai thác và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

+ Biên lai nộp thuế trước bạ (cả máy tàu và vỏ tàu, bản chính);

+ Ảnh tàu cỡ 9x12 (ảnh màu, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp từ chối: trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đăng ký tàu cá (Phụ lục 4 của Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011).

i) Lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Phù hợp với chủ trương phát triển tàu cá của ngành thủy sản;

- Chủ tàu cá phải cam kết không sử dụng tàu vào các mục đích khác trái pháp luật;

- Không còn mang số đăng ký tàu nào khác;

- Đã hoàn tất việc đăng kiểm;

- Nếu là tàu cá nhập khẩu thì không được quá 8 tuổi đối với tàu vỏ gỗ và 15 tuổi đối với tàu vỏ bằng vật liệu khác;

- Tàu cá thuộc tổ chức, cá nhân nước ngoài phải có trụ sở thường trú tại Việt Nam và phải được Chính phủ Việt Nam cho phép.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Quyết định số 10/2006/QĐ-BTS ngày 03/7/2006 của Bộ Thủy sản về ban hành Quy chế Đăng ký tàu cá và thuyền viên.

- Thông tư số 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 06/4/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thủy sản theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010.

Phụ lục 4

(Ban hành kèm theo Thông tư 24/2011/TT-BNNPTNT ngày 6/4/2011)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

**TỜ KHAI
ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....
 Thường trú tại:
 Chứng minh nhân dân số:.....
 Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:
1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:
 Tên tàu:; Công dụng.....
 Năm, nơi đóng:
 Cảng (Bến đậu) đăng ký:
 Kích thước chính $L_{max} \times B_{max} \times D, m$:; Chiều chìm d, m :.....
 Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích:
 Sức chở tối đa, tấn: Số thuyền viên, người.....
 Nghề chính: Nghề kiêm:.....
 Vùng hoạt động:
 Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, sức ngựa	Vòng quay định mức, v/ph	Ghi chú
N ^o 1					
N ^o 2					
N ^o 3					

2. Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU
(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

19. Thủ tục cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá.**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Chủ tàu cá chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản Thành phố Hồ Chí Minh hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận có ngày hẹn kết quả trao cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung đầy đủ.

- Bước 3:

Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Chi cục Thủy sản căn cứ chủ trương phát triển tàu cá, quy hoạch phát triển nghề cá sẽ trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận.

- **Bước 4:** Chủ tàu cá căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Tờ khai đề nghị được phép đóng mới, cải hoán tàu cá (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ

d) Thời hạn giải quyết: Bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tàu cá

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán tàu cá hoặc văn bản không chấp thuận nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Tờ khai đóng mới, cải hoán tàu cá (Phụ lục 2 của Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/07/2007)

i) Lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

- Thông tư 02/2007/TT-BTS ngày 13/07/2007 của Bộ Thủy sản hướng dẫn thực hiện Nghị định số 66/2005/NĐ-CP ngày 19/5/2005 của Chính phủ về đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động thủy sản.

- Công văn số 1768/SNN-QLCL ngày 26/8/2014 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc ủy quyền cấp văn bản đóng mới tàu cá trên địa bàn thành phố.

Phụ lục II

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc hướng dẫn Nghị định số 66/2005/NĐ-CP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm

TỜ KHAI**ĐÓNG MỚI, CẢI HOÁN TÀU CÁ**

Kính gửi :

Tên tôi là :

Thường trú tại :

Chứng minh nhân dân số :

Xin đóng mới, cải hoán tàu cá có thông số kỹ thuật như sau :

Mẫu thiết kế : Vật liệu vỏ :

Kích thước chính $L_{\max} \times B_{\max} \times D, m$: Công suất máy

Nghề chính : Nghề kiêm :

Vùng hoạt động :

Họ tên, địa chỉ và giá trị cổ phần của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân	Giá trị cổ phần
01				
02				
03				

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

XÁC NHẬN

của xã, phường hoặc thủ trưởng cơ quan

(Ghi rõ chức danh, ký tên và đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Ký tên và đóng dấu)

Phụ lục III

(Ban hành kèm theo Thông tư số 02/2007/TT-BTS ngày 13/7/2007 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản về việc hướng dẫn Nghị định số 66/2005/NĐ-CP)

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
**CHI CỤC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
VÀ BẢO VỆ NGUỒN LỢI THỦY SẢN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2014

VĂN BẢN CHẤP THUẬN
ĐÓNG MỚI/CẢI HOÁN TÀU CÁ

Theo đề nghị của ông (bà) :

Địa chỉ thường trú :

Giấy phép kinh doanh :

Về việc đóng mới/cải hoán tàu cá với các đặc điểm như sau :

- Loại nghề :

- Vùng hoạt động :

- Mẫu tàu : Vật liệu vỏ :

- Kích thước chính : Công suất :

Căn cứ vào chủ trương phát triển tàu cá của Nhà nước và quy hoạch phát triển nghề cá của thành phố Hồ Chí Minh, chấp thuận ông (bà) đóng mới/cải hoán tàu cá với các nội dung trên.

Nơi nhận :

- Chủ tàu;
- Lưu : VT

CHI CỤC TRƯỞNG

20. Thủ tục Chứng nhận lại thủy sản khai thác.

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Chủ hàng (là chủ lô hàng thủy sản) chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho Chủ hàng (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung đầy đủ theo quy định.

- Bước 3:

Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ của chủ hàng, Chi cục Thủy sản xem xét hồ sơ, kiểm tra thông tin trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác và thực hiện:

+ Chứng nhận khi lô hàng có nội dung đúng với kê khai trong Giấy chứng nhận thủy sản khai thác và trả 01 (một) bộ hồ sơ cho chủ hàng, 01 (một) bộ lưu tại Chi cục Thủy sản;

+ Không chứng nhận khi lô hàng có nội dung không đúng với kê khai trong hồ sơ hoặc sử dụng nguyên liệu từ tàu cá nằm trong danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp. Trường hợp không chứng nhận phải có văn bản trả lời chủ hàng và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Chủ hàng căn cứ vào ngày hẹn trên Biên nhận đến nhận kết quả giải quyết tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản.

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

- + Đơn đề nghị chứng nhận lại thủy sản khai thác (theo mẫu);
- + Mẫu Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (theo mẫu) hoặc mẫu Giấy chứng nhận khác theo yêu cầu của Cơ quan thẩm quyền nơi nhập khẩu;
- + Giấy chứng nhận thủy sản khai thác đã cấp bị rách, nát không còn nguyên vẹn.

- Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ hàng.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận thủy sản khai thác hoặc văn bản từ chối nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Đơn đề nghị chứng nhận lại thủy sản khai thác (Phụ lục VI của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015);

- Giấy chứng nhận thủy sản khai thác (Phụ lục V của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015);

- Bản Thông tin bổ sung cho các sản phẩm thủy sản được chế biến từ tàu cá của Việt Nam (Phụ đính Va thuộc Phụ lục V của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015);

- Bản kê khai Thông tin vận tải (Phụ đính Vb thuộc Phụ lục V của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015).

i) Lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy chứng nhận thủy sản khai thác bị rách, nát không còn nguyên vẹn.


l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

- Quyết định số 3699/QĐ-BNN-TCTS ngày 08/9/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đính chính Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

Phụ lục V Annex V
CHỨNG NHẬN THỦY SẢN KHAI THÁC
CATCH CERTIFICATE

(Ban hành kèm theo Thông tư số: 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Promugated under Circular No: 50/2015/TT-BNNPTNT dated on 30/12/2015 by Minister of Minisstry of Agriculture and Rural Development)

 <p>BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỔNG CỤC THỦY SẢN MINISTRY OF AGRICULTURE AND RURAL DEVELOPMENT DIRECTORATE OF FISHERIES</p>					
<p>CHỨNG NHẬN THỦY SẢN KHAI THÁC CATCH CERTIFICATE</p>					
Số chứng nhận/Document number...../20...../CC/SG/R			Cơ quan thẩm quyền Validating authority:		
1. Tên cơ quan thẩm quyền/Authority's name:		Địa chỉ/Address:		Tel: Fax:	
2. Tên tàu/ số đăng ký/Fishing vessel name/ Registration No.:		Cảng đăng ký, Cờ/Home port, Flag:		Hô hiệu/Call sign:	Số IMO, Lloyd's (nếu có)/ IMO/ Lloyd's number (if issued):
Giấy phép khai thác - Giá trị đến ngày Fishing license No. - Valid to:			Số Inmarsat, Fax, điện thoại, địa chỉ Email (nếu có) Inmarsat No., Fax, Telephone No., Email address (if issued):		
Thông tin về tàu cá chi tiết xem Phụ đính Va kèm theo/Inforrmation of Fishing vessel is indicated on the Appendix Va					
3. Mô tả sản phẩm/Description of Products			Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép (nếu có) Type of processing authorized on board (if available):		
Loại Species	Mã sản phẩm Product code	Vùng và thời gian khai thác Catch area(s) and dates	Khối lượng nguyên liệu ước tính của lô hàng (kg) Estimated live weight	Khối lượng lên bến ước tính của tàu cá (nếu có) (kg) Estimated weight to be landed (if available) (kg)	Khối lượng nguyên liệu đã được xác nhận (nếu có) (kg) Verified weight landed (if available) (kg)

4. Tham chiếu các quy định về quản lý và bảo vệ nguồn lợi thủy sản/References of applicable conservation and management measures:					
5. Tên thuyền trưởng tàu cá - Chữ ký - dấu/Name of master of fishing vessel - Signature - seal					
6. Khai báo chuyển tải trên biển (tên thuyền trưởng tàu khai thác)/Declaration of transshipment at sea (name of master of fishing vessel)		Chữ ký và ngày Signature and date	Khu vực/vị trí chuyển tải Transshipment area/position	Khối lượng ước tính (kg) Estimated weight (kg)	
Tên thuyền trưởng tàu nhận Master of receiving vessel	Chữ ký/Signature	Tên tàu/Vessel name	Hồ hiệu/Call sign	Số IMO, Lloyd's (nếu có) IMO/ Lloyd's number (if issued):	

7. Xác nhận chuyển hàng tại cảng/Transshipment authorization within a port area									
Tên/Name	Cơ quan quản lý cảng Port authority	Chữ ký/Signature	Địa chỉ/Address	Điện thoại Tel	Cảng lên cá Port of landing	Ngày lên cá Date of landing	Dấu/Seal (stamp)		
8. Tên chủ hàng xuất khẩu/Name and address of exporter			Chữ ký/Signature		Ngày/Date		Dấu/Seal		
9. Chứng nhận của Cơ quan thẩm quyền nước treo cờ/Flag state authority validation									
Full name Họ và tên Title Chức vụ			Signature Chữ ký:		Date Ngày		Seal Dấu		
10. Thông tin vận tải, xem Phụ đính Vb kèm theo/Transport details, see Appendix Vb attached									
11. Khai báo của đơn vị nhập khẩu/Importer declaration									
Tên đơn vị nhập khẩu/Name of importer Địa chỉ/Address		Chữ ký/Signature		Ngày/Date		Dấu/Seal Mã CN sản phẩm Product CN code			
Theo quy định của cơ quan thẩm quyền nước nhập khẩu: As regulated by the imported authorities:		Tài liệu tham chiếu Reference							
12. Cơ quan thẩm quyền kiểm soát nhập khẩu 12. Import control - authority		Địa điểm/Place		Cho phép nhập khẩu Importation authorized		Chưa cho phép nhập khẩu Importation suspended		Yêu cầu kiểm tra - ngày Verification requested - date	
Khai báo hải quan, nếu có Customs declaration, if issued		Số/Number			Ngày/Date		Địa điểm/Place:		

Phụ đính Va/Appendix Va
THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC SẢN PHẨM THỦY SẢN ĐƯỢC CHẾ BIẾN TỪ TÀU CÁ CỦA VIỆT NAM
ADDITIONAL INFORMATION FOR FISHERIES PRODUCTS OBTAINED FROM THE FISHING VESSELS OF VIET NAM
 Đính kèm Chứng nhận số/Attached to the Catch certificate:/20...../CC/SG/R

Mục I/Section I:

Quốc gia tàu treo cờ: State/Flag: Việt Nam

Các thông tin sau cần thu thập trong quá trình chứng nhận/The following information in section should be included if available at the moment of request for validation:

Số vận đơn/Invoice No.:

Số công-ten-nơ/ Container No.:

Nước đến/Destination country:

Đơn vị nhập khẩu/Importer:

Mục II/Section II:

Tàu cá Fishing vessel						Mô tả sản phẩm Product description							Thuyền trưởng/chủ tàu /chủ hàng Master/owner of the fishing vessel/exporter			
Tên, số đăng ký (Nghề khai thác Name, Registration (Fishing gear code)	Loại: Tàu nhỏ* Tàu thông thường** Type: Small */ Normal**	Cảng đăng ký Home port	Hồ hiệu Call sign	Inmarsat , Fax, điện thoại (nếu có) Inmarsat , fax, Tel No (if issued)	Số giấy phép, giá trị đến ngày Fishing licence No, period of validity	Vùng và thời gian khai thác Catch area(s) and date	Tên loài Species Name	Loại hình chế biến trên tàu cá được cấp phép Type processing authorized on board	Ngày lên cá Date of landing	Tổng khối lượng khai thác của tàu cá (kg) Total catch of the vessel (kg)	Khối lượng nguyên liệu đưa vào chế biến từ tổng khối lượng khai thác (kg) Catch processed from the total catch (kg)	Khối lượng sản phẩm thủy sản trong lô hàng (kg) Processed fishery product for export (kg)	Product Mã sản phẩm HS code of the exported	Tên Name	Ngày và chữ ký Date and signature	Dấu Seal
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
									Tổng/ Total							

Nhà máy chế biến (nếu khác nhà máy chế biến) Processing plant (if different from the processing plant)	
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal
Chủ hàng/Exporter	
Tên và địa chỉ/Name and address	Chữ ký và đóng dấu Signature and seal

Cơ quan thẩm quyền/Validating authority	
Tên và địa chỉ/Name and address:	
Chữ ký và đóng dấu/Signature and seal	Ngày tháng năm/Date:

“Tôi cam kết rằng những thông tin trên là đúng sự thực và phù hợp với khai báo ở trên”

“I hereby declare that the above information is true and corresponds to the above described export”

Phụ đính Vb Appendix Vb
THÔNG TIN VẬN TẢI/TRANSPORT DETAILS

Document number/Số chứng nhận/20...../CC/SG/R			
1.1. Quốc gia xuất khẩu/Country of Exportation:			
Cảng/sân bay/ địa điểm xuất phát khác Port/airport/other place of departure:			
Tên tàu/Nước treo cờ Vessel name/flag			
Số chuyến/số vận đơn đường biển Voyage No./Bill of landing No:			
Số chuyến bay/Số vận đơn hàng không Flight number/airway bill number:			
Quốc tịch xe và số đăng ký/Truck nationality and registration number:			
Số vận đơn đường sắt/Railway bill number:			
Các giấy tờ vận tải khác/Other transport documents:			
1.2 Chữ ký của chủ hàng xuất khẩu/Exporter Signature			
Số công - ten - nơ, xem danh sách kèm theo Container number(s), see list below	Tên của nhà xuất khẩu Name of Exporter	Địa chỉ Address	Chữ ký Signature

Phụ lục VI Annex VI
ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG
NHẬN THỦY SẢN KHAI THÁC
REQUEST FOR RE-INSSURANCE OF CATCH CERTIFICATE

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2015
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Promulgated under Circular No: 50/2015/TT-BNNPTNT dated on 30/12/2015
by Minister of Minisstry of Agriculture and Rural Development)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

....., ngày tháng năm
place..... and date.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHỨNG NHẬN LẠI THỦY SẢN KHAI THÁC
REQUEST FOR RE-INSSURANCE OF CATCH CERTIFICATE

Kính gửi To:

Tên đơn vị/Exporting company:.....Điện thoại/Tel.....

Địa chỉ/Address:

Số ĐKKD/Trading registration number.....Ngày cấp/Issued on.....

Giấy chứng nhận thủy sản khai thác số/Catch certificate number.....đã
được/issued by.....cấp ngày tháng ... năm..... /on

Giải trình lý do đề nghị chứng nhận lại/reasons for re-insurance:
.....

Đề nghị Cơ quan thẩm quyền chứng nhận lại thủy sản khai thác để lô hàng của chúng
tôi đủ điều kiện xuất khẩu theo yêu cầu của.....

Wre are requesting the competent authority for re-insurance of catch certificate so that
our consignment(s) are allowed to export to

Chúng tôi cam đoan về những nội dung trên là đúng sự thật.

I truly declare that the above information is true./.

Đại diện chủ hàng
Representative of exporter
(ký, đóng dấu/sign and seal)

21. Thủ tục đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp**a) Trình tự thực hiện:**

- **Bước 1:** Chủ tàu cá chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định, nộp hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh), từ thứ Hai đến thứ Sáu (Buổi sáng từ 7 giờ 30 phút đến 11 giờ 30 phút; Buổi chiều từ 13 giờ 00 phút đến 17 giờ 00 phút).

- **Bước 2:** Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì cấp giấy biên nhận cho người nộp (trường hợp nộp trực tiếp).

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chưa hợp lệ thì hướng dẫn để bổ sung đầy đủ theo quy định.

- **Bước 3:** Không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Thủy sản kiểm tra các biện pháp khắc phục vi phạm khai thác bất hợp pháp của chủ tàu và ra thông báo bằng văn bản về việc đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp. Thông báo này được gửi cho Tổng cục Thủy sản để đưa ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp chậm nhất sau 02 ngày làm việc kể từ ngày ra thông báo; trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

- **Bước 4:** Chủ tàu cá căn cứ vào biên nhận đến nhận kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Chi cục Thủy sản (địa chỉ: số 126GH Phan Đăng Lưu, Phường 3, quận Phú Nhuận).

b) Cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp tại Chi cục Thủy sản hoặc gửi qua đường bưu điện.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ: Đơn đề nghị đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp (theo mẫu).

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

d) Thời hạn giải quyết: Năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Chủ tàu cá.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Chi cục Thủy sản trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

g) Kết quả thủ tục hành chính: Thông báo về việc đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp hoặc văn bản không đồng ý nêu rõ lý do.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: Đơn đề nghị đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp (Phụ lục X của Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015).

i) Lệ phí: Không.

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Cơ quan thẩm quyền đưa tàu cá ra khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp trong trường hợp sau:

- Tàu cá bị xóa đăng ký;

- Sau thời hạn 02 (hai) năm từ ngày đưa tàu cá vào danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp khi tàu cá không vi phạm các quy định tại Điều 4 của Thông tư này.

* Khi chủ tàu cá đã thực hiện những biện pháp khắc phục hành vi khai thác bất hợp pháp có nhu cầu đưa tàu cá ra khỏi danh sách này trước thời hạn.

- Kiểm tra các biện pháp khắc phục vi phạm khai thác bất hợp pháp của chủ tàu:

+ Kiểm tra Giấy phép khai thác thủy sản, việc khai thác của Chủ tàu đúng quy định trong giấy phép khai thác thủy sản hay không.

+ Kiểm tra việc ghi, nộp nhật ký hoặc báo cáo khai thác thủy sản theo quy định.

+ Kiểm tra việc không khai thác trong vùng cấm khai thác; không khai thác trong thời gian bị cấm khai thác; không khai thác, không vận chuyển hoặc không đưa lên tàu các loài thủy sản bị cấm khai thác; không khai thác các loài có kích thước nhỏ hơn quy định vượt quá tỉ lệ cho phép.

+ Kiểm tra việc không sử dụng loại nghề, ngư cụ khai thác bị cấm hoặc không đúng quy định.

+ Kiểm tra việc không che giấu, không giả mạo hoặc không hủy chứng cứ vi phạm các quy định liên quan đến khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

+ Kiểm tra việc không ngăn cản, không chống đối việc thực hiện kiểm tra, giám sát sự tuân thủ đối với các quy định về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản của cán bộ được giao thực hiện nhiệm vụ.

+ Kiểm tra việc không chuyển tải trên biển, không hỗ trợ, không tiếp ứng, không tham gia hoạt động khai thác cùng với tàu cá khai thác bất hợp pháp.

+ Kiểm tra việc không khai thác trong vùng biển thuộc quyền quản lý của tổ chức quản lý nghề cá khu vực và quốc gia khác mà không có giấy phép khai thác hợp lệ.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

- Quyết định số 3699/QĐ-BNN-TCTS ngày 08/9/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc đính chính Thông tư số 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2015 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc chứng nhận, xác nhận thủy sản khai thác.

**Phụ lục X
Annex X**

REQUEST TO REMOVE FROM THE IUU VESSEL LIST

ĐỀ NGHỊ ĐƯA TÀU CÁ RA KHỎI DANH SÁCH TÀU CÁ KHAI THÁC BẤT HỢP PHÁP

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 50/2015/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
Promulgated under Circular No: 50/2015/TT-BNNPTNT dated on 30/12/2015 by Minister of Ministry of Agriculture and Rural Development)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

....., ngày (place) tháng (date) năm (year).....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐƯA TÀU CÁ RA KHỎI DANH SÁCH TÀU CÁ KHAI THÁC BẤT HỢP PHÁP

LETTER TO REQUEST FOR REMOVAL FROM THE IUU VESSEL LIST

Kính gửi To:

Tên tôi là/Full name of vessel owner.....Điện thoại/Tel.....

Địa chỉ/Address:

Chủ tàu cá mang số đăng ký số/Vessel registration number:.....

Ngày/Ontàu cá/my vessel numbered.....bị đưa vào danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định với lý do/was listed in the IUU vessel list due to:

.....
.....

Tôi đã thực hiện các hành động khắc phục nhưng sai phạm theo đúng quy định của pháp luật, nay tôi đề nghị Cơ quan thẩm quyền đưa tàu cára khỏi danh sách tàu cá khai thác bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định./.

Actually, I can demonstrate that my vessel did not engage in any of the IUU fishing activities and thus I am strongly requesting to remove out of the IUU vessel list./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN/VESSEL OWNER

(ký, ghi rõ họ tên/Signature and name)